

# NHÂN HOÁ

## I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Nắm được khái niệm nhân hoá, các kiểu nhân hoá ;
- Nắm được tác dụng chính của nhân hoá ;
- Biết dùng các kiểu nhân hoá trong bài viết của mình.

## II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Nhân hoá (*nhân* : người, *hoá* : biến thành, trở thành ; còn được gọi là *nhân cách hoá*) thực chất là một loại ẩn dụ dùng những từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của con người để miêu tả những sự vật không phải là người hoặc xưng hô, trò chuyện với những sự vật ấy như với con người. Nhờ cách dùng như vậy mà các sự vật được miêu tả trở nên sống động, gần với đời sống của con người. Cách diễn đạt nhân hoá đem lại cho lời thơ, văn tính biểu cảm cao.

2. Có các kiểu nhân hoá sau :

a) Dùng những từ vốn để chỉ hoạt động, tính chất, ... của người để miêu tả sự vật không phải là người. Ví dụ, trong truyện *Đế Mèn phiêu lưu kí*, Tô Hoài đã dùng rất nhiều các từ ngữ nhân hoá :

*Tôi đi đứng oai vệ. Mỗi bước đi, tôi làm điệu dún dẩy các khoeo chân, rung lên rung xuống hai chiếc râu. Cho ra kiểu cách con nhà võ. Tôi tợn lắm. Dám cà khịa với tất cả mọi bà con trong xóm. Khi tôi to tiếng thì ai cũng nhin, không ai đáp lại. Bởi vì quanh quẩn, ai cũng quen thuộc mình cả. Không nói, có lẽ họ nể hơn là sợ. Nhưng tôi lại tưởng thế là không ai dám ho he.*

hoặc trong bài thơ *Mưa* của Trần Đăng Khoa : *mối trẻ, mối già, gà con, rối rít tìm nơi ẩn nấp, ông trời mặc áo giáp đen, ra trận, cây mía múa gươm, kiến hành quân, cổ gà rung tai nghe, bụi tre tần ngần, gõ tóc, hàng bưởi bế lũ con, đầu tròn, trọc lốc, sấm ghé xuống sân, khanh khách cười, cây dừa sải tay, bơi, ngọn mùng tơi nhảy múa,...*

b) Dùng các từ vốn dùng để gọi người (cô, dì, chú, bác, cậu, mẹ, thím,...) để gọi sự vật. Ví dụ :

*Có con chim vành khuyên nhỏ. Dáng trông thật ngoan ngoãn quá. Gọi "dạ" bảo "vâng". Lễ phép ngoan nhất nhà. Chim gặp bác Chào Mào, "Chào bác !". Chim gặp cô Sơn Ca, "Chào cô !". Chim gặp anh Chích Chòè, "Chào anh !". Chim gặp chị Sáo Nâu, "Chào chị !".*

(Hoàng Vân, *Con chim vành khuyên*, trong SGK *Hát Nhạc 3*)

*Tôi đã quát mấy chị Cào Cào ngụ ngoài đầu bờ, khiến mỗi lần thấy tôi đi qua, các chị phải núp khuôn mặt trái xoan dưới nhánh cỏ, chỉ dám đưa mắt lên nhìn trộm. Thỉnh thoảng, tôi ngửa chân đá một cái, ghẹo anh Gọng Vó lăm lăm vừa ngơ ngác dưới đầm lên.*

(Tô Hoài)

c) Trò chuyện với sự vật, hô – gọi sự vật như trò chuyện với con người, hô – gọi con người :

**Núi cao chi lắm núi ơi ?**

*Núi che mặt trời chẳng thấy người thương.*

(Ca dao)

3. Nhân hoá, ngoài tác dụng làm cho sự vật được miêu tả trở nên sống động, gần gũi với con người (như đã nêu trên), còn thường xuyên được sử dụng để làm phương tiện, làm cơ để con người giải bày tâm sự. Ví dụ :

*Đêm qua ra đứng bờ ao*

*Trông cá cá lặn, trông sao sao mờ*

*Buồn trông con nhện giăng tơ*

*Nhện ơi nhện hỡi, nhện chờ mối ai*

*Buồn trông chênh chéch sao mai*

*Sao ơi sao hỡi, nhớ ai sao mờ.*

(Ca dao)

Những tâm trạng gán cho con nhện (*Nhện ơi nhện hỡi, nhện chờ mối ai*), hay ngôi sao (*Sao ơi sao hỡi, nhớ ai sao mờ*) thực chất là nỗi niềm buồn nhớ, trông chờ của con người trong đêm khuya.

### III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

**Hoạt động 1.** Tìm hiểu khái niệm nhân hoá.

1. Cho HS đọc đoạn trích trong bài *Mưa* của Trần Đăng Khoa.

Hỏi : Bầu trời được gọi bằng gì ? (*Ông*)

*Ông* thường được dùng để gọi người, nay được dùng để gọi *trời*. Cách gọi như vậy làm cho trời trở nên gần gũi với người.

Các hoạt động : *mặc áo giáp, ra trận* là các hoạt động của con người nay dùng để miêu tả bầu trời trước cơn mưa làm tăng tính biểu cảm của câu thơ ; làm cho quang cảnh trước cơn mưa sống động hơn.

Ngoài ra, trong khổ thơ trích còn dùng các từ ngữ : *múa gươm để tả cây mía ; hành quân để tả kiến*.

Kết luận : Những cách dùng như vậy được gọi là nhân hoá (biến các sự vật không phải là người trở nên có các đặc điểm, tính chất, hoạt động,... như con người).

2. So sánh các cách diễn đạt :

– Ông trời mặc áo giáp đen với Bầu trời đầy mây đen.

– Muôn nghìn cây mía múa gươm với Muôn nghìn cây mía ngã nghiêng, lá bay phấp phới.

– Kiến hành quân đầy đường với Kiến bò đầy đường.

Từ đó thấy nhân hoá có tính hình ảnh, làm cho các sự vật, sự việc được miêu tả gần gũi hơn với con người.

**Hoạt động 2.** Tìm hiểu các kiểu nhân hoá.

1. Tìm những sự vật được nhân hoá trong các câu thơ, câu văn đã cho.

a) *miệng, tai, mắt, chân, tay*

b) *tre*

c) *trâu*

2. Cách nhân hoá các vật trong những câu thơ, câu văn đó như sau :

– Dùng từ ngữ vốn gọi người để gọi sự vật (câu a) ;

– Dùng từ ngữ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của vật (câu b) ;

– Trò chuyện, xưng hô với vật như với người (câu c).

Trong ba kiểu nhân hoá, kiểu thứ hai thường gặp nhiều hơn. Cần dành nhiều thời gian hơn cho việc tìm hiểu kiểu thứ hai.

**Hoạt động 3.** Ghi nhớ và củng cố nội dung tiết học.

Hai HS đọc các kết luận trong phần *Ghi nhớ*. Các HS khác đọc thầm.

**Hoạt động 4.** Làm bài tập. (Tuỳ theo thời gian còn lại, GV lần lượt cho HS làm các bài tập trong SGK.)

#### IV – GỢI Ý GIẢI MỘT SỐ BÀI TẬP

##### Bài tập 1

Các nhân hoá có trong đoạn văn được thể hiện bằng các từ ngữ in đậm như sau :

*Bến cảng lúc nào cũng **đông vui**. Tàu **mẹ**, tàu **con** **đậu đầy mặt nước**. Xe **anh**, xe **em** **tíu tíu nhận hàng về và chở hàng ra**. **Tất cả đều bận rộn**.*

Các nhân hoá có tác dụng làm cho quang cảnh bến cảng được miêu tả sống động hơn ; người đọc dễ hình dung được cảnh nhộn nhịp, bận rộn của các phương tiện có trên cảng.

Có thể thấy rõ tác dụng này khi làm thêm *bài tập 2*, so sánh cách viết có nhân hoá với cách viết bình thường.

##### Bài tập 2

So sánh hai đoạn văn để tìm ra sự khác nhau trong cách diễn đạt :

| Đoạn 1                                     | Đoạn 2                             |
|--|------------------------------------|
| <i>đông vui</i>                            | <i>rất nhiều tàu xe</i>            |
| <i>tàu mẹ, tàu con</i>                     | <i>tàu lớn, tàu bé</i>             |
| <i>xe anh, xe em</i>                       | <i>xe to, xe nhỏ</i>               |
| <i>tíu tíu nhận hàng về và chở hàng ra</i> | <i>nhận hàng về và chở hàng ra</i> |
| <i>bận rộn</i>                             | <i>hoạt động liên tục</i>          |

Đoạn 1 sử dụng nhiều phép nhân hoá, nhờ vậy mà sinh động và gợi cảm hơn.

### Bài tập 3

Để thấy được sự khác nhau giữa các cách viết và có cơ sở để kết luận cách viết nào thích hợp với loại văn bản nào, cần phải lập bảng so sánh, đối chiếu từ ngữ trong mỗi cách viết (làm tương tự như *bài tập 1* và *2* trên đây) :

| Cách 1  | Cách 2   |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"><li>- trong <b>họ hàng nhà chổi</b></li><li>- <b>cô bé Chổi Rơm</b></li><li>- <b>xinh xắn nhất</b></li><li>- có <b>chiếc váy vàng óng</b></li><li>- <b>áo của cô</b></li><li>- <b>cuốn từng vòng quanh người, trông cứ như áo len vậy</b></li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>- trong các loại <b>chổi</b></li><li>- <b>chổi rơm</b></li><li>- <b>đẹp nhất</b></li><li>- <b>tết bằng rơm nếp vàng</b></li><li>- <b>tay chổi</b></li><li>- <b>quấn quanh thành cuộn</b></li></ul> |

So sánh sự diễn đạt trong hai cách trên, ta thấy, trong cách 1, tác giả dùng nhiều phép nhân hoá (các từ in đậm), ngay cả từ *Chổi Rơm* cũng được viết hoa như tên riêng của người làm cho việc miêu tả chổi gần với cách miêu tả người. Như vậy, rõ ràng cách 1 có tính biểu cảm cao hơn, chổi rơm trở nên gần với con người, sống động hơn.

### Bài tập 4

Các phép nhân hoá có trong mỗi đoạn trích :

a) *núi ơi* (trò chuyện, xưng hô với vật như với người).

b) (*cua cá*) *tấp nập* ; (*cò, sếu, vạc, cốc, le...*) *cãi cọ om bốn góc đầm* : dùng từ ngữ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của vật ; *họ* (*cò, sếu, vạc, cốc, le...*), *anh* (*Cò*) : dùng từ ngữ vốn gọi người để gọi vật.

c) (*chòm cổ thụ*) *dáng mãnh liệt, đứng trầm ngâm, lặng nhìn* ; (*thuyền*) *vùng vằng* : dùng từ ngữ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của sự vật (*quay đầu chạy* : hiện tượng chuyển nghĩa của từ, không phải biện pháp tu từ).

d) (*cây*) *bị thương* ; *thân mình* ; *vết thương* ; *cục máu* : dùng từ ngữ vốn chỉ hoạt động, tính chất, bộ phận của người để chỉ hoạt động, tính chất, bộ phận của vật.

Về tác dụng của nhân hoá, ngoài các tác dụng như đã nêu trong các bài tập trên, ở đây có thêm cách dùng nhân hoá để bộc lộ tâm tình, tâm sự của con người (câu a) (xem thêm điểm lưu ý ở mục II.3, tr. 65).

## Bài tập 5

Tham khảo đoạn văn sau :

*Đoạn đường dành riêng cho dân bản tôi đi về phải vượt qua một con suối to. Nước suối bốn mùa trong veo, rào rạt. Nước trườn qua kẽ đá, lách qua những mỏm đá ngầm tung bọt trắng xoá. Hoa nước bốn mùa xoè cánh trắng như trải thảm hoa đón mời khách gần xa đi về thăm bản.*

(Vi Hồng – Hồ Thuý Giang)

## V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

Xem tr. 30 – 31.